

Số: *18* /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày *05* tháng 01 năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

### Công khai tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2022

#### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý, sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 02/TTr-STC ngày 03/01/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công khai tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên (Chi tiết số liệu như biểu phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

- Căn cứ vào Quyết định này, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước Điện Biên, các đơn vị chủ đầu tư có trách nhiệm công khai tình hình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành năm 2022 trên địa bàn tỉnh và tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

- Giao Sở Tài chính có trách nhiệm thông báo, đôn đốc các đơn vị Chủ đầu tư tổ chức triển khai thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Điện Biên; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy b/c);
- TT HĐND tỉnh b/c);
- L/d UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KT. *g*



**Lê Thành Đô**

## CÔNG KHAI TÌNH HÌNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 18 /QĐ-UBND ngày 05 /01/2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
A	B	1	2	3	4=3-2	5
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.093.205.273.005</b>	<b>1.837.527.328.561</b>	<b>1.828.195.159.806</b>	<b>(9.332.168.755)</b>	
	<b>DỰ ÁN NHÓM B</b>	<b>1.213.363.900.000</b>	<b>1.013.259.212.196</b>	<b>1.006.980.578.168</b>	<b>(6.278.634.028)</b>	
1	Trường dạy nghề tỉnh Điện Biên (nay là trường Cao đẳng nghề Điện Biên)	32.300.000.000	28.409.800.244	28.108.249.000	-301.551.244	
2	Đường phía Tây lòng chảo Điện Biên	42.117.000.000	39.252.423.949	37.714.422.949	-1.538.001.000	
3	Đường Rạng Đông - Ta Ma, huyện Tuần Giáo	59.290.000.000	58.873.823.300	58.815.059.186	-58.764.114	
4	Kè chống sạt lở khu dân cư trung tâm xã Thanh Luông, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	50.000.000.000	46.755.096.336	46.746.548.802	-8.547.534	
5	Hạng mục Đường giao thông, hạng mục Điện chiếu sáng thuộc Dự án Đường vành đai II (nối tiếp khu TĐC Noong Bua, thành phố Điện Biên Phủ với khu TĐC Pú Từu thị trấn huyện Điện Biên)	140.000.000.000	99.188.154.664	97.504.206.615	-1.683.948.049	
6	Đường Phình Giàng - Mường Nhà, huyện Điện Biên Đông	57.000.000.000	54.142.794.308	53.996.452.884	-146.341.424	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nà Nhạn - Mường Phăng, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	165.000.000.000	148.451.370.773	147.722.344.730	-729.026.043	
8	Quyết toán Hạng mục công trình hoàn thành (gồm: Gói thầu xây lắp số 4; Gói thầu đoạn kè bổ sung 98m) thuộc dự án Kè chống lạt lở bờ sông Nậm Rốm (giai đoạn II)	82.000.000.000	43.739.305.715	43.708.812.715	-30.493.000	
9	Trường mầm non, THCS tại xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo	47.360.000.000	45.975.285.000	45.948.943.000	-26.342.000	
10	Hạng mục dự án Cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên (giai đoạn I)	35.000.000.000	29.186.030.000	29.167.843.000	-18.187.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
11	Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Mường Ảng	43.700.000.000	43.397.138.098	43.357.199.798	-39.938.300	
12	Hạng mục Dự án hoàn thành Công trình: Thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi), Giai đoạn I	235.900.000.000	232.795.979.026	232.690.817.706	-105.161.320	
13	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật chính quyền điện tử tỉnh Điện Biên	45.000.000.000	44.034.323.676	44.033.045.676	-1.278.000	
14	Quyết toán Hạng mục công trình hoàn thành Gói thầu xây lắp số 02 thuộc dự án Kè chống lạt lở bờ sông Nậm Rốm (giai đoạn II)	82.000.000.000	6.375.993.000	6.375.993.000	0	
15	Đường vào xã Noong U, huyện Điện Biên Đông	40.528.000.000	39.890.649.153	38.733.705.153	-1.156.944.000	
16	Công trình AĐ-05	56.168.900.000	52.791.044.954	52.356.933.954	-434.111.000	
	<b>DỰ ÁN NHÓM C</b>	<b>879.841.373.005</b>	<b>824.268.116.365</b>	<b>821.214.581.638</b>	<b>-3.053.534.727</b>	
17	Nâng cấp đường giao thông QL12 - bản Huổi Meo, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà	20.000.000.000	18.659.768.000	18.659.768.000	0	
18	Cải tạo, nâng cấp công trình nước và nhà vệ sinh các trường học trên địa bàn xã Nà Tấu, Sam Mứn	2.180.000.000	1.980.214.000	1.980.214.000	0	
19	Số hóa thiết bị sản xuất chương trình truyền hình tỉnh Điện Biên đến năm 2020	19.720.000.000	19.070.850.636	18.984.963.384	-85.887.252	
20	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn Trường PTDTBT TH Ta Ma, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	1.700.000.000	1.449.450.816	1.443.836.816	-5.614.000	
21	Sửa chữa nhà làm việc 3 tầng Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Điện Biên	998.000.000	979.831.647	974.404.427	-5.427.220	
22	Bãi xử lý rác thải huyện Mường Chà	5.000.000.000	3.884.628.700	3.860.728.638	-23.900.062	
23	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện đa khoa huyện Mường Nhé	2.500.000.000	2.493.503.000	2.483.691.000	-9.812.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
24	Đường ra biên giới Nà Bùng - Mốc 49, xã Nà Bùng, huyện Mường Nhé	47.174.000.000	46.625.145.979	45.997.267.500	-627.878.479	
25	Trạm y tế xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên	4.950.000.000	4.869.644.588	4.842.672.288	-26.972.300	
26	Cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn Trường PTDTBT THCS Na Cô Sa, Trường PTDTBT TH Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ	1.700.000.000	1.659.106.000	1.651.193.000	-7.913.000	
27	Thủy lợi Khuổi Khon, xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé	3.000.000.000	2.957.204.000	2.957.204.000	0	
28	Đường từ Hồng Sọt - Pá Sáng, xã Búng Lao, huyện Mường Ảng	10.000.000.000	9.858.107.980	9.858.107.980	0	
29	Trạm y tế xã Na Tông, huyện Điện Biên	4.800.000.000	4.555.349.432	4.529.783.460	-25.565.972	
30	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình thoát nước tuyến tỉnh lộ 140 Huổi Lóng - Tòa Chùa, từ Km7 - Km7+760; Km12 - Km14 và Km17 - Km18, địa phận huyện Tòa Chùa, tỉnh Điện Biên	5.354.000.000	5.139.456.244	5.139.456.244	0	
31	Sửa chữa nền, mặt đường, kè gia cố vai đường, rãnh thoát nước đường vào tổ dân phố 1,7 và 10 phường Thanh Trường, thành phố Điện Biên Phủ	1.300.000.000	1.275.059.000	1.267.312.200	-7.746.800	
32	Trung tâm khuyến nông, giống cây trồng vật nuôi tỉnh Điện Biên	10.000.000.000	9.818.766.000	9.818.766.000	0	
33	Trường mầm non Nà Khoa, huyện Nậm Pồ	8.120.000.000	7.410.060.000	7.352.136.000	-57.924.000	
34	Nước sinh hoạt bản Mường Toong 5, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	911.216.320	879.008.407	869.066.407	-9.942.000	
35	Sửa chữa mặt đường, rãnh thoát nước ĐT.140 Huổi Lóng - Tòa Chùa.	3.000.000.000	2.894.897.600	2.865.667.600	-29.230.000	
36	Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới tỉnh Điện Biên	17.000.000.000	16.804.914.120	16.762.905.120	-42.009.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
37	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình thoát nước đoạn từ Km0+00 - Km3+00 & sửa chữa rãnh dọc, ngầm tràn từ Km4 - Km8+800 đường Huổi Loóng - Tòa Chùa (Km0+00 - Km20+00), huyện Tòa Chùa, tỉnh Điện Biên	5.500.000.000	5.410.233.343	5.395.455.253	-14.778.090	
38	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án xây dựng khu trung tâm huyện lỵ huyện Điện Biên (Cụm 1+2 và cụm 4 - Pú Từu)	5.072.261.060	4.981.296.116	4.981.296.116	0	
39	Nước sinh hoạt bản Mường Toong 4, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	1.364.900.000	1.313.539.404	1.294.828.000	-18.711.404	
40	Trạm y tế xã Mường Lói, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	5.000.000.000	4.921.954.504	4.920.872.285	-1.082.219	
41	Cải tạo, sửa chữa Trường phổ thông DTNT THPT huyện Tuần Giáo	1.800.000.000	1.645.788.000	1.645.788.000	0	
42	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường hệ thống thoát nước tính lộ 140, đoạn tuyến từ Km 19+159 - Km 20+140 (đi qua thị trấn huyện Tòa Chùa), huyện Tòa Chùa, tỉnh Điện Biên	5.500.000.000	5.101.370.428	5.101.370.428	0	
43	Trường mầm non Mường Mùn, xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo	5.000.000.000	4.958.364.000	4.937.942.000	-20.422.000	
44	Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt Đồn Biên phòng Mường Nhà (431)	2.300.000.000	2.243.478.000	2.236.923.000	-6.555.000	
45	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THPT thị xã Mường Lay	3.000.000.000	2.925.751.000	2.925.751.000	0	
46	Cải tạo, sửa chữa phòng khám đa khoa khu vực Tả Sín Thàng và Trạm Y tế xã Sín Chải, huyện Tòa Chùa	900.000.000	887.074.600	883.580.600	-3.494.000	
47	Cải tạo, sửa chữa phòng khám đa khoa khu vực Xá Nhè, huyện Tòa Chùa	900.000.000	860.765.300	857.121.300	-3.644.000	
48	Đầu tư duy tu, cải tạo, sửa chữa khu nội trú, nhà bếp, nhà ăn Trường PTDTBT THCS Sa Dung, huyện Điện Biên Đông	1.800.000.000	1.770.652.452	1.750.485.452	-20.167.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
49	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	2.500.000.000	2.428.908.000	2.423.946.000	-4.962.000	
50	Đường nội cụm trung tâm cụm xã Nà Sáy, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	3.162.110.000	3.060.131.000	3.047.575.000	-12.556.000	
51	Xây dựng phòng học và hội trường Trường Cao đẳng sư phạm	17.000.000.000	16.528.695.955	16.467.591.674	-61.104.281	
52	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS và THPT Tả Sin Thàng, huyện Tủa Chùa	2.500.000.000	2.324.252.000	2.324.252.000	0	
53	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THPT Chà Cang	3.000.000.000	2.981.378.000	2.956.797.000	-24.581.000	
54	Đầu tư duy tu, cải tạo, sửa chữa khu nội trú các Trường: tiểu học Si Pha Phìn, PTDTBT TH Phìn Hồ, PTDTBT TH Nà Bùng, huyện Nậm Pồ	2.450.000.000	2.334.042.500	2.313.993.500	-20.049.000	
55	Cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế xã Sa Lông, Ma Thi Hồ, Trung tâm Y tế huyện Mường Chà	1.500.000.000	1.474.472.000	1.468.735.000	-5.737.000	
56	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp các Trạm Y tế xã Noong Hẹt, xã Noong Luồng, xã Na Ú, xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên	2.000.000.000	1.996.869.000	1.988.819.000	-8.050.000	
57	Trụ sở làm việc Ban CHQS xã - Công an xã của 03 xã: Nậm Kè, Leng Su Sìn, Sín Thầu, huyện Mường Nhé	3.900.000.000	3.379.483.000	3.372.339.000	-7.144.000	
58	Đường tránh lũ Chiềng Lao - Pha Hún, xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng	7.500.000.000	7.105.809.000	7.083.166.000	-22.643.000	
59	Trường THPT huyện Nậm Pồ	14.592.000.000	13.751.235.200	13.751.235.200	0	
60	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Khu ký túc xá lưu học sinh Lào tại Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	6.000.000.000	5.446.125.000	5.427.314.000	-18.811.000	
61	Trường mầm non Nà Sáy, huyện Tuần Giáo	3.100.000.000	2.787.421.000	2.769.815.000	-17.606.000	
62	Đường Mường Luân - Co Kham - Na Hát - Páo Sinh, xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông	25.000.000.000	19.707.109.000	19.583.012.000	-124.097.000	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
63	Sửa chữa, nâng cấp 05 cơ sở cấp phát thuốc Methadone trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2018	2.000.000.000	1.976.757.000	1.967.315.000	-9.442.000	
64	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020	26.700.000.000	26.265.709.765	26.265.708.956	-809	
65	Trạm y tế xã Tả Sìn Thàng, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên	4.800.000.000	4.384.500.700	4.380.710.700	-3.790.000	
66	Đường nội thị giai đoạn I, huyện Mường Ảng (đoạn QL279 đi trung tâm hành chính huyện)	39.500.000.000	37.775.828.427	37.695.958.427	-79.870.000	
67	Nước sinh hoạt bản Huổi Hốc, xã Nậm Kè và bản Nậm Chà Nội 2, xã Quảng Lâm, huyện Mường Nhé	5.095.000.000	4.983.362.000	4.950.009.000	-33.353.000	
68	Kè chống sạt lở khu dân cư khu vực thị trấn Tuần Giáo	43.500.000.000	22.244.402.000	22.140.877.000	-103.525.000	
69	Trường phổ thông DTBT THCS Nậm Nhừ, huyện Nậm Pồ thuộc Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất giai đoạn 2	14.900.000.000	14.446.588.000	14.446.588.000	0	
70	Trạm Y tế xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo	5.250.000.000	5.063.158.692	5.037.346.692	-25.812.000	
71	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Bò Hóng, xã Thanh Xương, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	5.500.000.000	5.470.423.000	5.450.090.000	-20.333.000	
72	Nâng cấp sân cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	4.000.000.000	3.958.561.000	3.958.561.000	0	
73	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng sư phạm Điện Biên	3.000.000.000	2.829.193.000	2.829.193.000	0	
74	Sửa chữa nền, mặt đường và công trình thoát nước tuyến tỉnh lộ 139 (Pom Lót – Na Son), từ Km35+850 – Km43+00 (Đoạn nhánh rẽ vào thị trấn huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên)	5.300.000.000	5.235.573.117	5.235.573.117	0	
75	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước bản Ban, xã Mường Nhà, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	25.000.000.000	24.849.931.000	24.815.586.000	-34.345.000	
76	Nhà lớp học các Trường mầm non: Pá Mý, Quảng Lâm, Huổi Léch, huyện Mường Nhé	8.300.000.000	7.858.395.000	7.845.673.000	-12.722.000	



STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
77	Nhà lớp học các trường PTDTBT tiểu học: Nà Bùng, Vàng Đán, huyện Nậm Pồ	11.185.000.000	10.814.320.000	10.734.849.000	-79.471.000	
78	Nhà lớp học các Trường mầm non Nậm Nhừ, Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	9.164.000.000	9.016.875.000	8.950.489.000	-66.386.000	
79	Trụ sở xã Nậm Kè, huyện Mường Nhé	7.000.000.000	6.324.695.000	6.312.460.000	-12.235.000	
80	Sửa chữa, cải tạo trụ sở các ban Đảng và các hạng mục phụ trợ Thành ủy Điện Biên Phủ	14.900.000.000	14.796.883.055	14.759.951.585	-36.931.470	
81	Cải tạo, nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Mường Nhà, huyện Điện Biên	13.400.000.000	13.261.562.471	13.206.789.471	-54.773.000	
82	Trụ sở xã Mường Lói, huyện Điện Biên	7.000.000.000	6.753.664.000	6.738.681.000	-14.983.000	
83	Nhà lớp học các trường PTDTBT Tiểu học: Nậm Nhừ, Nậm Tin và trường tiểu học Nậm Chua, huyện Nậm Pồ	10.746.000.000	10.227.007.000	10.174.046.000	-52.961.000	
84	Nâng cấp, sửa chữa Đường giao thông từ trung tâm xã đến điểm ĐCĐC Hà Lá Chủ A, xã Hừa Ngải, huyện Mường Chà	6.185.000.000	6.026.381.000	6.018.638.000	-7.743.000	
85	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị Trung tâm chữa bệnh - Giáo dục - Lao động và xã hội tỉnh Điện Biên	21.000.000.000	19.226.528.953	19.134.274.153	-92.254.800	
86	Phòng khám đa khoa khu vực Leng Su Sìn, huyện Mường Nhé	14.000.000.000	13.702.372.122	13.591.823.942	-110.548.180	
87	Nhà lớp học bản Tân Phong, xã Mường Nhé, huyện Mường Nhé	2.340.000.000	2.287.812.000	2.271.623.000	-16.189.000	
88	Kè bảo vệ đất sản xuất và dân cư tổ dân phố 1+2 thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà	11.200.000.000	10.780.788.000	10.780.788.000	0	
89	Nhà lớp học các trường mầm non Vàng Đán, Nậm Tin huyện Nậm Pồ	8.500.000.000	7.703.880.000	7.500.581.852	-203.298.148	
90	Nhà lớp học tiểu học bản Huổi Cẩn, xã Mường Toong, huyện Mường Nhé	2.300.000.000	2.211.371.500	2.202.427.303	-8.944.197	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
91	Cải tạo và mở rộng trụ sở Thành ủy, HĐND-UBND thành phố Điện Biên Phủ	18.680.000.000	18.569.942.044	18.421.767.474	-148.174.570	
92	Đường Quốc lộ 279 - bản Noong Hẹt, huyện Điện Biên	9.000.000.000	8.810.471.415	8.736.937.973	-73.533.442	
93	Sửa chữa ĐT.140 (Huổi Lóng - Tòa Chùa), tỉnh Điện Biên	14.990.000.000	14.851.629.200	14.851.629.200	0	
94	Nước sinh hoạt bản Kết Tinh, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên (thuộc Dự án sắp xếp, ổn định dân cư biên giới Việt - Lào, bản Kết Tinh, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên)	1.400.000.000	1.374.743.804	1.374.743.804	0	
95	Cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Quài Tở và các bản lân cận huyện Tuần Giáo	14.900.000.000	14.442.411.000	14.416.235.000	-26.176.000	
96	Sửa chữa giao thông nội thị Mường Nhé (đoạn tuyến từ trung tâm Giáo dục thường xuyên đến Trường trung học cơ sở Mường Nhé), huyện Mường Nhé	7.038.000.000	6.491.917.563	6.488.431.563	-3.486.000	
97	Kè chống sạt lở đất, bảo vệ Trường tiểu học HERMANN GMEINER và trường mẫu giáo SOS	22.600.000.000	22.582.385.000	22.582.385.000	0	
98	Cải tạo, sửa chữa Tượng đài Chiến thắng Điện Biên Phủ	14.100.000.000	13.752.477.000	13.752.477.000	0	
99	Xây dựng trụ sở xã Vàng Đán, huyện Nậm Pồ	7.300.000.000	7.184.389.000	7.147.471.000	-36.918.000	
100	Xây dựng trụ sở xã Nậm Tin, huyện Nậm Pồ	7.000.000.000	6.863.353.000	6.827.085.000	-36.268.000	
101	Kè bảo vệ Trường tiểu học xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ	4.000.000.000	3.706.113.000	3.706.113.000	0	
102	Cải tạo, nâng cấp Trường tiểu học số 1 Pá Khoang, thành phố Điện Biên Phủ	13.000.000.000	12.624.633.645	12.619.569.645	-5.064.000	
103	Cải tạo, nâng cấp Trường Mầm non Thanh Bình, thành phố Điện Biên Phủ	14.000.000.000	13.872.310.790	13.841.270.990	-31.039.800	
104	Cấp nước sinh hoạt xã Thanh An, huyện Điện Biên	12.000.000.000	9.983.548.000	9.983.548.000	0	
105	Trụ sở xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên	7.000.000.000	5.904.134.600	5.900.958.000	-3.176.600	

STT	Tên dự án, công trình	Tổng mức đầu tư được duyệt	Giá trị đề nghị quyết toán của Chủ đầu tư	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
106	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Trường THPT Tuần Giáo	2.000.000.000	1.983.798.000	1.983.798.000	0	
107	Sửa chữa hệ thống tường bao Trung tâm khuyến nông - giống cây trồng, vật nuôi xã Thanh Yên, huyện Điện Biên	1.500.000.000	1.497.038.000	1.488.488.000	-8.550.000	
108	Thủy lợi Nậm Chà Nội, xã Quảng Lâm, huyện Mường Nhé	10.290.000.000	9.857.551.000	9.771.523.000	-86.028.000	
109	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Sân vận động tỉnh Điện Biên	10.800.000.000	10.612.259.000	10.612.259.000	0	
110	Đường Quốc lộ 6 - bản Kệt, xã Quài Cang, huyện Tuần Giáo	7.449.885.625	6.448.730.000	6.440.847.000	-7.883.000	
111	Đường vào nghĩa trang C1 giai đoạn II, huyện Điện Biên	2.000.000.000	1.954.617.000	1.954.617.000	0	
112	Nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt trung tâm xã Na Tông và các bản lân cận huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	7.780.000.000	7.654.341.000	7.632.026.000	-22.315.000	
113	Cải tạo, sửa chữa Trường Chính trị tỉnh	6.000.000.000	5.998.683.000	5.949.267.000	-49.416.000	
114	Cải tạo, sửa chữa khu ký túc xá Trường Cao đẳng Y tế Điện Biên	2.000.000.000	1.989.508.551	1.977.763.551	-11.745.000	
115	Hạng mục hoàn thành Công trình Kè bảo vệ đất nông nghiệp và khu dân cư ven suối Nậm Húa, xã Xuân Lao, huyện Mường Ảng (giai đoạn I)	15.000.000.000	14.780.558.000	14.738.723.368	-41.834.632	
116	Trụ sở làm việc Ban QLDA các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên	14.500.000.000	14.408.887.000	14.408.887.000	0	